| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 4 năm 2026
*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh, ông Trần Tiến Dũng
*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk
*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2026 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T; Sinh năm 2005; CCCD số: 0663.0501. 3685; Địa chỉ: Buôn Krái, xã Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Văn V; Sinh năm 2004; CCCD số: 0662.0401.5939. Địa chỉ: Thôn 4B, xã Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Thu T trình bày tóm tắt:***

Bà với ông Hồ Văn V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ea H tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã Ea H, tỉnh Đắk Lắk). Ông bà có 01 con chung là Hồ Ngọc Bảo A, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2023.

Trong quá trình chung sống, ông bà có quá nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông Hồ Văn V cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà không yêu cầu ông Hồ Văn V cấp dưỡng nuôi con.

***Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ông Hồ Văn V trình bày tóm tắt:***

Ông với bà Lê Thị Thu T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ea H tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã Ea H, tỉnh Đắk Lắk). Ông bà có 01 con chung là Hồ Ngọc Bảo A, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2023.

Mặc dù ông với bà T có mâu thuẫn, bà T có tình cảm với người khác, nhưng ông không đồng ý ly hôn. Vì bà T chưa có đủ điều kiện nuôi con và con còn quá nhỏ. Ông sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con sau khi ly hôn. Nhưng bà T quyết tâm ly hôn, thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Sau khi ly hôn, thì ông cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không đồng ý cấp dưỡng mức 3.000.000đ/tháng mà đồng ý cấp dưỡng khi có căn cứ pháp lý. Về tài sản chung, nợ chung, thì ông không yêu cầu giải quyết.

***Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ea H, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk chứng nhận:***

Ông Hồ Văn V, sinh năm 2004 và bà Lê Thị Thu T, sinh năm 2005 đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 6 năm 2024.

***Tại Biên bản xác minh, Ủy ban nhân dân xã Ea H, tỉnh Đắk Lắk có nội dung, thông tin tóm tắt:***

Ông V, bà T có mâu thuẫn vợ chồng, còn mâu thuẫn cụ thể thì chính quyền không nắm được, vì các bên đương sự không yêu cầu hòa giải.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến***:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung khởi kiện của bà T, cho bà T ly hôn với ông V. Về con chung: Giao con chung cho bà T chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Ông V và bà T là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Hiện nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Bà T khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Ông V trú ở xã Ea H, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thảo, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, ông V và bà T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện tại của bà T và ông V, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho bà T ly hôn với ông V.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông V không đồng ý. Nhưng xét thấy tính đến ngày xét xử cháu A chưa đủ 03 tuổi, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng.

Khi cần thay đổi người trực tiếp nuôi con, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật (Nếu đủ điều kiện).

+ Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000đ/tháng. Ông V không đồng ý cấp dưỡng mức 3.000.000đ/tháng mà đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Khi cần thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung nợ chung: Bà T và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cũng không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Bà T) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thu T ly hôn với ông Hồ Văn V.

+ Về con chung:

Giao cháu Hồ Ngọc Bảo A, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2023 cho bà Lê Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông Hồ Văn V có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông Hồ Văn V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì bà Lê Thị Thu T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hồ Văn V.

Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, các bên có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch. Khấu trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Thu T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005275 ngày 04 tháng 12 năm 2025.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 9 – Đắk Lắk;
- UBND xã Ea H, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đỗ Văn Dũng**